

CÔNG KHAI TÌNH HÌNH QUẢN LÝ, SỬ DỤNG XE Ô TÔ VÀ TÀI SẢN CỐ ĐỊNH KHÁC

Năm 2018

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)				Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
I	Xe ô tô													
II	Tài sản cố định khác		37	7.123.690	7.089.690	34.000	5.258.606							
1	Bàn ghế phòng truyền thống	Trường THCS Phương Nam	1	24.465	24.465									
2	Bàn làm việc	Trường THCS Phương Nam	1	5.090	5.090									
3	Bể nước	Trường THCS Phương Nam	1	61.485	61.485		49.188							
4	Bộ bàn ghế Đài Loan	Trường THCS Phương Nam	1	9.600	9.600									
5	Bộ Sa lông gỗ Đài Loan	Trường THCS Phương Nam	1	15.900	15.900									
6	Cổng, tường rào	Trường THCS Phương Nam	1	589.786	589.786		383.361							x
7	Điều hòa Gree	Trường THCS Phương Nam	1	6.000		6.000	4.500							
8	Điều hòa Gree	Trường THCS Phương Nam	1	6.000		6.000	4.500							
9	Điều hòa Gree	Trường THCS Phương Nam	1	6.000		6.000	4.500							
10	Điều hòa Gree 12000	Trường THCS Phương Nam	1	8.000		8.000	6.000							
11	Giá treo, Bộ thu, điều khiển	Trường THCS Phương Nam	1	8.584	8.584		7.511							x
12	Hệ thống băng trượt	Trường THCS Phương Nam	1	11.256	11.256		9.849							x

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Ngìn đồng)			Mục đích sử dụng							
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
13	Khung thành cầu môn	Trường THCS Phương Nam	1	14.844	14.844		2.598							
14	Loa di động	Trường THCS Phương Nam	1	11.489	11.489		9.191							x
15	Máy chiếu Panasonic	Trường THCS Phương Nam	1	23.782	23.782									
16	Máy chiếu siêu gần	Trường THCS Phương Nam	1	57.953	57.953		46.363							x
17	Máy chiếu sony	Trường THCS Phương Nam	1	16.580	16.580									
18	Máy chiếu vật thể	Trường THCS Phương Nam	1	12.939	12.939		10.351							x
19	Máy điều hòa Gree 12000	Trường THCS Phương Nam	1	8.000		8.000	6.000							
20	Máy phô tô	Trường THCS Phương Nam	1	51.000	51.000		8.925							
21	Máy tính để bàn	Trường THCS Phương Nam	1	8.800	8.800									
22	Máy tính để bàn	Trường THCS Phương Nam	1	9.500	9.500									
23	Máy tính để bàn	Trường THCS Phương Nam	1	8.800	8.800									
24	Máy tính để bàn	Trường THCS Phương Nam	1	12.815	12.815									
25	Máy tính xách tay	Trường THCS Phương Nam	1	17.568	17.568		10.541							x
26	Máy tính xách tay	Trường THCS Phương Nam	1	13.365	13.365									
27	Máy tính xách tay	Trường THCS Phương Nam	1	16.685	16.685									
28	Ồn áp Standa	Trường THCS Phương Nam	1	9.978	9.978		1.746							
29	Phần mềm để kiểm tra	Trường THCS Phương Nam	1	15.000	15.000		15.000							
30	Phần mềm QLTS	Trường THCS Phương Nam	1	8.900	8.900		8.900							

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Ngìn đồng)				Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
31	Phần mềm ứng dụng dạy học	Trường THCS Phương Nam	1	15.000	15.000		15.000							
32	Phòng học môn Hóa	Trường THCS Phương Nam	1	73.655	73.655									
33	Phòng học môn Lý-CN	Trường THCS Phương Nam	1	63.399	63.399									
34	Phòng học môn Sinh	Trường THCS Phương Nam	1	73.655	73.655									
35	Sân, thoát nước, điện ngoài	Trường THCS Phương Nam	1	5.792.318	5.792.318		4.633.854							x
36	TB môn Hóa học lớp 9	Trường THCS Phương Nam	1	11.810	11.810									
37	Thiết bị trả lời	Trường THCS Phương Nam	1	23.688	23.688		20.727							x
	Tổng cộng		37	7.123.690	7.089.690	34.000	5.258.606							

Ngàytháng năm

Người lập báo cáo
(Ký, họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, họ tên và đóng dấu)